TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN VĨNH HƯNG** **TỈNH LONG AN**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 23/2018/DS-ST
Ngày 28-6-2018
V/v:"Tranh chấp hợp đồng vay tài sản; tranh chấp về hụi"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN VĨNH HƯNG, TỈNH LONG AN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Bà Huỳnh Thị Yến Linh.

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Hồ Văn Bún

Ông Hồ Thái Bình

- Thư ký phiên toà: Ông Lê Trọng Tâm - Thư ký Toà án nhân dân huyện Vĩnh Hưng, tỉnh Long An.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Vĩnh Hưng tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Tuấn - Kiểm sát viên.

Ngày 28 tháng 6 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Vĩnh Hưng, tỉnh Long An xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 92/2017/TLST-DS ngày 12 tháng 10 năm 2017 về "Tranh chấp hợp đồng vay tài sản; tranh chấp về hụi" theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 16/2018/QĐXXST-DS ngày 01 tháng 6 năm 2018 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị Ph, sinh năm 1956. Có mặt

Bị đơn:

1. Bà Nguyễn Thị Thu O, sinh năm 1970. Có mặt

2. Ông Phan Văn Q, sinh năm 1969. Có mặt

3. Anh Phan Văn L, sinh năm 1992. Có mặt.

Cùng địa chỉ: Ấp 2, xã H, huyện Vĩnh Hưng, tỉnh Long An.

Theo thông báo thụ lý vụ án và quyết định đưa vụ án ra xét xử, Tòa án xác định tư cách tham gia tố tụng của anh Phan Văn L là người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan trên cơ sở đơn khởi kiện của nguyên đơn. Tại phiên tòa, Hội đồng xét xử xác định lại tư cách tham gia tố tụng của anh Phan Văn L là bị đơn trong vụ án do bà Ph thay đổi yêu cầu.

- *Người làm chứng:*

1. Ông Nguyễn Văn Ch, sinh năm 1945. Vắng mặt

2. Bà Trần Thị Y, sinh năm 1971. Có mặt

3. Ông Trần Văn Nh, sinh năm 1971. Vắng mặt

4. Bà Trần Thị B, sinh năm 1974. Có mặt

5. Ông Phan Văn T, sinh năm 1983. Vắng mặt

6. Bà Bùi Thị Kim B, sinh năm 1973. Có mặt

7. Ông Nguyễn Văn L, sinh năm 1976. Vắng mặt

Cùng địa chỉ: Ấp 2, xã H, huyện Vĩnh Hưng, tỉnh Long An.

8. Bà Nguyễn Thị M, sinh năm 1964. Vắng mặt

9. Bà Nguyễn Thị Th, sinh năm 1986. Vắng mặt

10. Bà Nguyễn Thị H, sinh năm 1987. Vắng mặt

11. Bà Nguyễn Thị Bé E, sinh năm 1988. Vắng mặt

Cùng địa chỉ: Ấp 1, xã H, huyện Vĩnh Hưng, tỉnh Long An.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 03 tháng 10 năm 2017 và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn bà Nguyễn Thị Ph trình bày:

Vào ngày 05/12/2012 âm lịch, vợ chồng ông Phan Văn Q, bà Nguyễn Thị Thu O có vay của bà số tiền 13.000.000 đồng. Thời hạn vay là 02 tháng, với lãi suất thỏa thuận là 50.000 đồng/1.000.000đồng/tháng, hai bên có làm giấy cam kết có chữ ký của ông Quân và bà Oanh. Nhưng từ đó đến nay ông Q, bà O chưa trả tiền gốc và chưa đóng tiền lãi cho bà Ph lần nào.

Ngoài ra ông Phan Văn Q, bà Nguyễn Thị Thu O và con Phan Văn L còn nợ tiền hụi của Ph. Cụ thể như sau:

- Dây hụi 3.000.000 đồng, 03 tháng khui một lần, khui ngày 25/02/2013 âm lịch gồm có 14 người chơi. Ông Q, bà O hốt hụi đầu tiên, bỏ hụi 1.500.000đồng, hốt được 19.500.000đồng, trừ tiền hoa hồng cho chủ thảo là 1.200.000đồng thì ông Q, bà O nhận 18.300.000đồng. Ông Q, bà O đóng hụi chết được 6 lần. Còn 7 lần bà Ph phải đóng hụi chết thay. Hụi đã mãn vào ngày 25/5/2016 âm lịch. Dây hụi này ông Q, bà O nợ bà Ph 21.000.000 đồng.

- 02 dây hụi tháng 1.000.000 đồng khui cùng ngày 20/12/2013 âm lịch, mỗi dây gồm 21 phần, hụi do con ông Q, bà O là anh Phan Văn L đứng tên chơi. Phan Văn L bỏ hụi là 420.000đồng để hốt hụi của 02 dây hụi trên vào lần khui đầu tiên. Mỗi dây L hốt được 11.600.000đồng. Trừ thảo mỗi dây 400.000đồng nên mỗi dây hốt được 11.200.000đồng. Sau đó, Phan Văn L đóng hụi được 10 lần hụi chết của cả hai dây, còn 10 lần hụi chết L không đóng nên bà Ph phải

đóng hụi chết thay cho Phan Văn L. Tổng cộng 02 dây hụi 1.000.000 đồng thì Phan Văn L thiếu bà Ph 20.000.000 đồng.

Bà Ph cho rằng bà làm đầu thảo rất nhiều dây hụi, từ trước đến nay khi giao hụi, đóng hụi bà Ph không làm biên nhận hay làm giấy tờ ký nhận giữa chủ hụi và hụi viên. Do đó, khi bà O, ông Q và anh L tham gia chơi hụi và nhận tiền hốt hụi bà Ph không cho ký sổ sách hay biên nhận gì hết.

Tại đơn khởi kiện, bà Nguyễn Thị Ph yêu cầu bà Nguyễn Thị Thu O, ông Phan Văn Q và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan là anh Phan Văn L trả cho bà tổng số tiền 54.000.000 đồng tiền vay và tiền hụi. Ngoài ra bà Ph còn yêu cầu trả tiền lãi của phần tiền vay là 35.400.000 đồng (tính mức lãi suất 5%/tháng từ ngày 05/12/2012 đến 05/10/2017).

Tại phiên tòa, Bà Nguyễn Ph yêu cầu bà Nguyễn Thị Thu O, ông Phan Văn Q trả cho bà 13.000.000 đồng tiền vay và 21.000.000đồng tiền hụi chết của dây hụi quý 3.000.000đồng. Đối với anh Phan Văn L, bà Phượng yêu cầu anh L trả 20.000.000đồng của hai dây hụi tháng 1.000.000đồng cho bà.

Bị đơn bà Nguyễn Thị Thu O trình bày:

Bà O cho rằng bà không có vay bà Nguyễn Thị Ph số tiền nào. Chữ ký, chữ viết trong giấy cam kết ngày 05/12/2012 (al) bà Ph cung cấp cho Tòa án không phải chữ ký, chữ viết của bà O và chồng bà O là ông Q nên bà không đồng ý trả tiền theo yêu cầu của bà Ph.

Đối với phần hụi 3.000.000 đồng và hụi 1.000.000đồng mà bà Ph trình bày thì gia đình bà O không có tham gia chơi. Bà Ph không cung cấp được sổ sách và việc ký nhận giao tiền hụi nên không có cơ sở để buộc bà và chồng, con bà trả. Gia đình bà O chỉ nợ tiền phần hụi 1.000.000 đồng của dây hụi chơi sau này bà không nhớ ngày tháng khui hụi, hốt hụi và số thành viên tham gia. Dây hụi này thì bà O cho rằng còn khoảng 4 lần hụi chết chưa đóng, hụi này đã mãn lâu rồi.

Nay trước yêu cầu của bà Nguyễn Thị Ph yêu cầu gia đình bà O trả 41.000.000 đồng tiền hụi và 13.000.000 đồng tiền vay thì bà O không đồng ý. Bà O chỉ đồng ý trả 4.000.000 đồng tiền hụi còn thiếu của dây hụi chơi sau này.

Bị đơn ông Phan Văn Q trình bày:

Ông Q là chồng của bà O, ông Q thống nhất với lời trình bày của bà O. Ông Q cho rằng ông không có vay tiền của bà Ph và không có ký tên vào giấy cam kết vay tiền ngày 05/12/2012 (al) do bà Ph xuất trình. Đối với tiền hụi, ông Q cũng xác định không tham gia dây hụi nào do bà Ph làm đầu thảo nhưng do bà O Thừa nhận còn nợ bà Ph 4.000.000 đồng tiền hụi nên ông cũng đồng ý liên đới cùng bà O trả tiền hụi còn thiếu cho bà Ph.

Bị đơn anh Phan Văn L trình bày:

Anh L là con của bà O và ông Q. Anh L thống nhất với lời trình bày của bà O. Anh L cho rằng anh không tham gia dây hụi nào do bà Ph làm chủ thảo nên không đồng ý trả 20.000.000 đồng tiền hụi theo yêu cầu của bà Ph.

Người làm chứng bà Bùi Thị Kim B, Trần Thị Y và Nguyễn Thị Th trình bày:

Ba người làm chứng chỉ là bà con lối xóm chứ không có quan hệ họ hàng gì với bà Ph, bà O, ông Q và cả ba người có tham gia nhiều dây hụi do bà Ph làm đầu thảo. Ba dây hụi gồm hụi quý 3.000.000 đồng khui ngày 25/02/2013 âm lịch có 14 hụi viên, hai dây hụi tháng 1.000.000đồng khui cùng ngày 20/12/2013 âm lịch có 21 hụi viên do bà Ph làm đầu thảo thì ba người làm chứng đều có tham gia. Bà Ph có phát danh sách hụi viên cho từng người chơi. Dây hụi quý 3.000.000 đồng có bà O tham gia. Khui hụi lần đầu tiên bà O bỏ hụi 1.500.000đồng và được hốt. Cả ba người làm chứng đều thấy bà O đi bỏ hụi và được hốt, việc bà Ph có giao tiền hụi hay không thì những người làm chứng không biết, còn việc bà O có đóng hụi chết hay không thì do đầu thảo đi gom nên không biết. Dây hụi này đã mãn ngày 25/5/2016 âm lịch.

Đối với hai dây hụi tháng 1.000.000 đồng, những người làm chứng chỉ thấy con bà O, ông Q là anh L có tên trong danh sách hụi. Anh L là người đi bỏ hụi và hốt hụi ở lần khui hụi đầu tiên, cả hai dây anh L đều bỏ 420.000đồng. Việc giao hụi thì những người làm chứng không biết. Hai dây hụi này cũng đã mãn.

Quá trình tham gia chơi hụi do bà Ph làm đầu thảo thì khi đóng hụi sống, hụi chết hay khi nhận tiền hụi bà Ph giao thì hai bên không có ký nhận giấy tờ, sổ sách gì, do là xóm giềng nên tin tưởng nhau. Hụi 3.000.000đồng thì tiền đầu thảo là 1.200.000đồng, gom hụi tay em trong 15 ngày thì giao lại cho người hốt, còn hụi 1.000.000đồng thì tiền đầu thảo 400.000đồng, gom hụi tay em trong 10 ngày và giao hụi cho người hốt.

Đại diện Viện kiểm sát phát biểu quan điểm về việc chấp hành pháp luật tố tụng dân sự của những người tiến hành tố tụng: Thẩm phán, Thư ký, Hội đồng xét xử và các đương sự đã thực hiện tương đối đúng và đầy đủ với quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Tuy nhiên, việc Thẩm phán xác định tư cách của Phan Văn L là người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan là chưa chính xác mà phải xác định là bị đơn trong vụ án vì nguyên đơn bà Nguyễn Thị Ph có yêu cầu ông L trả tiền hụi còn thiếu là 20.000.000 đồng; Tòa án không giao quyết định tiếp tục giải quyết vụ án cho Viện kiểm sát là chưa thực hiện đúng quy định tại Điều 261 Bộ luật tố tụng dân sự; Đối với đương sự, ông Phan Văn Q và ông Phan Văn L chưa thực hiện đúng theo quy định của pháp luật về quyền và nghĩa vụ của đương sự, còn vắng mặt không chấp hành theo giấy triệu tập của Tòa án.

Về nội dung vụ án, đại diện Viện kiểm sát cho rằng: Yêu cầu của bà Ph đối với bà O, ông Q về khoảng tiền vay 13.000.000 đồng là có căn cứ để chấp nhận, bởi vì bà Ph xuất trình được chứng cứ để chứng minh là biên nhận ngày 05/12/2012 (al) có chữ ký của ông Q và bà O. Tuy ông Q, bà O cho rằng mình

không vay và không ký tên vào biên nhận nhưng kết quả giám định chữ ký số 198/2018/KLGĐ ngày 23/4/2018 của Phòng kỹ thuật hình sự Công an Long An đã kết luận chữ ký đúng là của ông Q, bà O. Do bà Ph có thay đổi yêu cầu về tiền lãi, không yêu cầu về tiền lãi nên không xem xét.

Đối với yêu cầu của bà Ph về tiền hụi, yêu cầu ông Q, bà O trả cho bà 21.000.000 đồng tiền hụi chết của 7 lần chưa đóng của dây hụi quý 3.000.000 đồng gồm 14 thành viên khui ngày 25/02/2013 và yêu cầu ông L trả 20.000.000 đồng tiền hụi chết chưa đóng của dây hai hụi 1.000.000 đồng gồm 21 thành viên khui ngày 20/12/2013. Xét thấy, bà Ph không xuất trình được chứng cứ chứng minh cho yêu cầu của mình; phía bà O, ông Q, ông L thì không thừa nhận có tham gia các dây hụi nêu trên mà chỉ đồng ý trả 4.000.000 đồng của dây hụi 1.000.000 đồng chơi sau này; những người làm chứng là Bùi Thị Kim B, Trần Thị Y và Nguyễn Thị Th là những người có tham gia ba dây hụi trên cùng xác định bà O, ông Q có tham gia dây hụi 3.000.000 đồng và đã hốt hụi lần đầu tiên; còn ông L có tham gia hai dây hụi 1.000.000 đồng và cũng là người hốt đầu tiên của cả hai dây hụi này nhưng những người làm chứng không chứng kiến việc bà Ph giao tiền hụi và việc đóng hụi chết của bà O, ông L. Vì vậy không có cơ sở để chấp nhận yêu cầu của bà Ph về số tiền hụi tổng cộng 41.000.000 đồng. Do đó, đại diện Viện kiểm sát đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng Điều 476, 479 Bộ luật dân sự năm 2005; Điều 471 Bộ luật dân sự năm 2015; Điều 13, 14, 15, 16, 29 Nghị định 144/2006/NĐ-CP ngày 27/11/2006 của Chính phủ chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của bà Ph buộc bà O, ông Q liên đới trả cho bà Ph 13.000.000 đồng tiền vay, bác yêu cầu khởi kiện 41.000.000 đồng tiền hụi.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng:

[1.1] Bà Nguyên Thị Ph tranh chấp với bà Nguyễn Thị O, ông Phan Văn Q và anh Phan Văn L về số tiền bà cho vay và tiền hụi chưa đóng nên Tòa án xác định quan hệ pháp luật là "Tranh chấp hợp đồng vay tài sản; tranh chấp về hụi" được quy định tại khoản 3 Điều 26 Bộ luật tố tụng dân sự. Bị đơn cư trú tại xã H, huyện Vĩnh Hưng, tỉnh Long An nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Vĩnh Hưng theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

[1.2] Những người làm chứng theo yêu cầu của bà Nguyễn Thị Ph vắng mặt tại phiên Tòa nhưng bà Ph không yêu cầu hoãn phiên tòa mà đề nghị Hội đồng xét xử tiếp tục giải quyết vụ án, ngoài ra những người làm chứng vắng mặt có cung cấp bản tự khai trong hồ sơ. Căn cứ quy định tại Điều 229 Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vụ án theo quy định.

[1.3] Đối với việc Tòa án xác định tư cách của anh Phan Văn L là người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan trong vụ án là trên cơ sở đơn khởi kiện ngày 03/10/2017 của bà Ph. Trong đơn, bà Ph xác định người bà khởi kiện là ông Phan Văn Q và bà Nguyễn Thị Thu O, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan là Phan Văn L. Do đó, căn cứ quy định tại Điều 68 Bộ luật tố tụng dân sự năm

2015, Tòa án xác định bà Ph là nguyên đơn, ông Q, bà O là bị đơn, anh L là người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan là đúng quy định của pháp luật. Do quá trình giải quyết vụ án, bà Ph có thay đổi yêu cầu về phần tiền hụi của hai dây hụi 1.000.000đồng, cụ thể trong đơn khởi kiện bà Ph yêu cầu ông Q, bà O trả nhưng trong biên bản hòa giải và tại phiên tòa, bà Ph lại yêu cầu anh L trả. Việc thay đổi yêu cầu phù hợp với quy định tại khoản 2 Điều 71 Bộ luật tố tụng dân sự nên được chấp nhận. Quá trình giải quyết vụ án, trên cơ sở yêu cầu của nguyên đơn, Hội đồng xét xử xác định lại tư cách của đương sự, xác định anh Phan Văn L là bị đơn trong vụ án. Đối với việc đại diện viện Kiểm sát cho rằng Tòa án không giao cho Viện kiểm sát quyết định tiếp tục giải quyết vụ án, Tòa án sẽ rút kinh nghiệm về vấn đề này và sẽ gửi bổ sung.

[2] Về thời hiệu khởi kiện của vụ án: Trong quá trình giải quyết vụ án, bị đơn bà O đề nghị áp dụng về thời hiệu khởi kiện. Căn cứ Điều 429 Bộ luật dân sự năm 2015 thì thời hiệu khởi kiện của hợp đồng vay tài sản và tranh chấp hụi là 03 năm kể từ ngày quyền và lợi ích hợp pháp của bà Ph bị xâm phạm. Giấy cam kết mượn nợ ghi ngày mùng 5 tháng chạp năm 2012 (al) tương ứng với ngày 16/01/2013 (DL), thời hạn vay là 02 tháng thì đến gày 17/3/2013 (DL) bà Ph bị xâm phạm quyền và lợi ích. Đến ngày 03/10/2017 bà Ph mới gửi đơn khởi kiện là đã hết thời hiệu, tuy nhiên do bà Ph có thay đổi yêu cầu là chỉ yêu cầu ông Q, bà O trả tiền gốc nên vẫn được xem xét giải quyết theo quy định của pháp luật về đòi tài sản theo Điều 166 Bộ luật dân sự năm 2015. Đối với tiền hụi, dây hụi 3.000.000 đồng mãn hụi vào ngày 25/5/2016 và dây hụi 1.000.000 đồng mãn hụi vào ngày 20/8/2015 nên đến thời điểm bà Ph gửi đơn khởi kiện, thời hiệu khởi kiện vẫn còn.

[4] Về nội dung vụ án, xét yêu cầu của nguyên đơn, thấy rằng:

[4.1] Đối với yêu cầu của bà Ph yêu cầu bà O và ông Q trả số tiền 13.000.000 đồng, thấy rằng: Bà Ph yêu cầu ông Q và bà O trả cho bà 13.000.000 đồng mà bà cho rằng ông Q và bà O đã vay của bà vào ngày mùng 5 tháng 12 năm 2012 (al) theo giấy cam kết ngày 15 tháng 01 năm 2013 có chữ ký của ông Q và bà O. Tuy ông Q và bà O không thừa nhận việc có vay tiền của bà Ph và cho rằng chữ ký trong giấy cam kết không phải của mình nhưng theo kết luận giám định số 198/2018/KLGĐ ngày 23/4/2018 của Phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Long An đã kết luận chữ ký trong giấy cam kết tên Q, O với chữ ký trong các mẫu so sánh do ông Q và bà O ký là do cùng một người viết ra. Như vậy, yêu cầu của bà Ph là có căn cứ nên được chấp nhận. Do bà Ph rút yêu cầu về tiền lãi nên Hội đồng xét xử đình chỉ giải quyết đối với yêu cầu về tiền lãi với số tiền 35.400.000 đồng.

[4.2] Đối với yêu cầu về tiền hụi của dây hụi quý 3.000.000 đồng gồm 14 hụi viên mở hụi ngày 25/02/2013, thấy rằng: Bà Ph yêu cầu bà O, ông Q trả cho bà 21.000.000 đồng tiền hụi chết của 7 lần chưa đóng nhưng bà O, ông Q không thừa nhận có tham gia dây hụi này. Những người làm chứng trình bày có biết bà O có tham gia dây hụi này và có thấy bà O bỏ hụi hốt lần đầu tiên nhưng không

chứng kiến việc giao nhận tiền hụi giữa hai bên. Bà Ph cũng không xuất trình được chứng cứ gì để chứng minh việc giao tiền hụi và việc thu tiền hụi chết của 06 lần bà Ph cho rằng bà O đã đóng nên không có cơ sở chấp nhận yêu cầu của bà Ph.

[4.3] Đối với yêu cầu về tiền hụi của hai dây hụi tháng 1.000.000 đồng mở hụi ngày 20/12/2013, thấy rằng: Bà Ph yêu cầu anh L trả cho bà 20.000.000 đồng hụi chết của 10 lần chưa đóng của hai dây hụi nhưng anh L không thừa nhận có tham gia dây hụi này. Những người làm chứng trình bày có biết anh L có tham gia hai dây hụi này và có thấy anh L bỏ hụi hốt lần đầu của cả hai dây hụi nhưng không chứng kiến việc giao nhận tiền hụi giữa hai bên. Bà Ph cũng không xuất trình được chứng cứ gì để chứng minh việc bà đã giao tiền hụi cho anh L cũng như việc anh L đã đóng tiền hụi chết cho bà của 10 lần đóng nên không có cơ sở chấp nhận yêu cầu của bà Ph.

[4.4] Đối với việc bà O tự nguyện trả cho bà Ph 4.000.000 đồng của dây hụi 1.000.000 đồng bà đã hốt nhưng không nhớ ngày khui hụi, ngày mãn hụi và số hụi viên. Xét thấy, do bà O tham gia nhiều dây hụi do bà Ph làm đầu thảo, việc tự nguyện thực hiện nghĩa vụ là phù hợp với quy định của pháp luật nên được ghi nhận. Ông Q cũng đồng ý thực hiện nghĩa vụ cùng bà O nên Hội đồng xét xử ghi nhận.

[5] Về chi phí tố tụng: Do bà Ph là người yêu cầu giám định chữ ký, kết quả giám định chữ ký đúng là chữ ký của ông Q và bà O nên ông Q và bà O phải chịu toàn bộ chi phí giám định chữ ký với tổng số tiền là 2.500.000đồng. Bà Ph đã nộp tạm ứng 2.500.000đồng nên ông Q và bà O phải hoàn trả lại cho bà Ph 2.500000 đồng tiền chi phí giám định theo quy định tại các điều 159, 160, 161 và 162 Bộ luật tố tụng dân sự.

[6] Về án phí: Do yêu cầu của nguyên đơn được chấp nhận một phần nên ông bà O và ông Q phải chịu án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch trên số tiền phải trả cho bà Ph; bà Ph phải chịu án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch trên số tiền yêu cầu không được Hội đồng xét xử chấp nhận theo quy định tại Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 và Điều 26, Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

[7] Quan điểm của vị đại diện Viện kiểm sát phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, 159, 160, 161, 162, 229 và Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ các điều 471, 474 Bộ luật dân sự năm 2005 và các điều 149, 166, 357, 463, 466 Bộ luật dân sự năm 2015; Nghị định 144/2006/NĐ-CP ngày 27/11/2006 của Chính phủ quy định về họ, hụi, biêu, phường;

Căn cứ Điều 26 và Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị Ph.

1. Buộc ông Phan Văn Q và bà Nguyễn Thị Thu O trả cho bà Nguyễn Thị Ph số tiền 13.000.000 đồng (mười ba triệu đồng) đã vay.

Trong trường hợp bên có nghĩa vụ chậm trả tiền thì bên đó phải trả lãi đối với số tiền chậm trả theo mức lãi suất được quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015 tương ứng với thời gian chậm trả tại thời điểm thanh toán.

2. Đình chỉ giải quyết đối với yêu cầu về tiền lãi của bà Nguyễn Thị Ph đối với ông Phan Văn Q và bà Nguyễn Thị Thu O do bà Ph rút yêu cầu với số tiền 35.400.000 đồng (ba mươi lăm triệu bốn trăm ngàn đồng).

3. Không chấp nhận yêu cầu của bà Nguyễn Thị Ph về việc yêu cầu ông Phan Văn Q và bà Nguyễn Thị Thu O trả cho bà Nguyễn Thị Ph số tiền hụi 21.000.000 đồng (hai mươi mốt triệu đồng).

4. Ghi nhận sự tự nguyện của bà Nguyễn Thị Thu O và ông Phan Văn Q về việc đồng ý trả cho bà Nguyễn Thị Ph số tiền hụi 4.000.000 đồng (bốn triệu đồng).

5. Không chấp nhận yêu cầu của bà Nguyễn Thị Ph về việc yêu cầu anh Phan Văn L trả 20.000.000 đồng (hai mươi triệu đồng) tiền hụi.

6. Về chi phí tố tụng:

Buộc ông Phan Văn Q và bà Nguyễn Thị Thu O phải chịu chi phí giám định chữ ký 2.500.000 đồng (hai triệu năm trăm ngàn đồng). Bà Nguyễn Thị Ph đã nộp tạm ứng số tiền này nên ông Phan Văn Q và bà Nguyễn Thị Thu O phải hoàn trả lại cho bà Ph 2.500.000đồng (hai triệu năm trăm ngàn đồng).

7. Về án phí:

7.1. Buộc ông Phan Văn Q và bà Nguyễn Thị Thu O phải chịu 850.000 đồng (tám trăm năm mươi ngàn đồng) tiền án phí dân sự sơ thẩm sung công quỹ nhà nước.

7.2. Buộc bà Nguyễn Thị Ph phải chịu 1.850.000 đồng (một triệu tám trăm năm mươi ngàn đồng) tiền án phí dân sự sơ thẩm sung công quỹ nhà nước. Chuyển 1.850.000 đồng (một triệu tám trăm năm mươi ngàn đồng) tiền tạm ứng án phí bà Ph đã nộp tại chi cục Thi hành án dân sự huyện Vĩnh Hưng ngày 12/10/2017 theo biên lai số 0004589 sang tiền án phí. Hoàn lại cho bà Nguyễn

Thị Ph 385.000 đồng (ba trăm tám mươi lăm ngàn đồng) tiền tạm ứng án phí còn thừa theo biên lai nêu trên.

Báo cho các đương sự có mặt tại phiên tòa biết có quyền kháng cáo Bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Trong trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nơi nhận:
- TAND,VKSND tỉnh Long An;
- VKSND, Chi cục THADS H.Vĩnh Hưng;
- Các đương sự;
- Lưu: Hồ sơ vụ án, án văn.

Huỳnh Thị Yến Linh